

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010**

---

Tháng 08, năm 2010

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 – 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 ngày 19/11/1998, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,2%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,8%).

### **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý hàng hải;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuế hải quan.

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Công ty có các Công ty con, trong đó Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ như sau:

- |   |   |  |
|---|---|--|
| 1 | Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội | Tầng 3, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội                |
| 2 | Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức             | Số 45, Triệu Việt Vương, Hà Nội                                      |
| 3 | Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội phía Nam                         | Số 10, Đoàn Như Hải, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh                   |
| 4 | Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng            | Tầng 4, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng |

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong 6 tháng đầu năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng	Chủ tịch	
2. Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2010
3. Ông Mai Đình Hùng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
4. Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/06/2010
5. Ông Nguyễn Quang Phúc	Thành viên	
6. Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	
7. Ông Trần Khắc Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2010

#### **Ban Tổng Giám đốc**

1. Ông Nguyễn Quang Phúc	Tổng Giám đốc
2. Ông Trần Khắc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

1. Ông Nguyễn Trung Dũng	Trưởng ban
2. Ông Đỗ Thành Đĩnh	Thành viên
3. Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép và trình bày hợp lý, đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo đúng Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Nguyễn Quang Phúc**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010*

Số. /2010/UHY-BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội**  
**Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội lập tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 có đưa ra ý kiến ngoại trừ việc Công ty không trích khấu hao vào chi phí cho các tàu biển trong thời gian bị hỏng phải sửa chữa trong năm 2009 với giá trị 27.948.602.654 đồng. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2010, Công ty đã tiến hành thanh lý toàn bộ số tàu biển này.

Như tại thuyết minh Báo cáo tài chính số IV.7, giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

---

**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV  
*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

---

**Hà Minh Long**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1221/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2010	Tại 01/01/2010
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>109.281.997.834</b>	<b>121.633.423.267</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.447.689.488</b>	<b>12.034.776.719</b>
1. Tiền	111		11.447.689.488	12.034.776.719
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>469.680.000</b>	<b>355.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.4	490.800.000	355.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(21.120.000)	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>86.312.907.282</b>	<b>91.704.502.193</b>
1. Phải thu khách hàng	131		41.479.537.323	46.392.199.080
2. Trả trước cho người bán	132		8.807.201.025	6.508.427.799
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	47.016.940.891	46.238.501.827
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(10.990.771.957)	(7.434.626.513)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>223.897.756</b>	<b>5.650.330.216</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	223.897.756	5.650.330.216
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.827.823.308</b>	<b>11.888.814.139</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		413.945.306	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.709.694.959	6.538.767.593
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.435.744	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.701.747.299	5.350.046.546
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>145.497.327.361</b>	<b>298.594.561.000</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64.391.910.826</b>	<b>236.303.739.459</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	21.946.180.842	199.835.425.063
- Nguyên giá	222		60.422.462.364	339.796.835.478
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.476.281.522)	(139.961.410.415)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.7	3.061.868.483	4.021.841.390
- Nguyên giá	225		9.558.570.000	12.645.515.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.496.701.517)	(8.623.673.610)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	746.493.800	746.493.800
- Nguyên giá	228		746.493.800	746.493.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	38.637.367.701	31.699.979.206
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.5</b>	<b>79.150.621.809</b>	<b>43.116.621.809</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		69.341.082.000	30.107.082.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.809.539.809	13.009.539.809
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.954.794.726</b>	<b>19.174.199.732</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.207.004.726	18.303.409.732
3. Tài sản dài hạn khác	268		747.790.000	870.790.000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>254.779.325.195</b>	<b>420.227.984.267</b>

Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2010	Tại 01/01/2010
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>185.034.078.349</b>	<b>287.671.924.076</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.999.985.964</b>	<b>209.723.309.458</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	12.883.113.059	86.953.153.907
2. Phải trả người bán	312		56.262.011.117	69.134.863.534
3. Người mua trả tiền trước	313		13.081.153.521	14.563.783.645
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1.965.923.133	1.818.891.733
5. Phải trả người lao động	315		2.559.197.949	4.834.800.137
6. Chi phí phải trả	316	V.13	23.137.927.159	20.929.989.674
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	11.500.601.528	9.509.318.330
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.610.058.498	1.978.508.498
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>62.034.092.385</b>	<b>77.948.614.618</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		321.650.000	256.800.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	61.238.897.692	77.188.851.525
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		473.544.693	502.963.093
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>69.745.246.847</b>	<b>132.556.060.191</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>69.745.246.847</b>	<b>132.556.060.191</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.555.140.000	135.555.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.001.910.000	24.001.910.000
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(1.200.000)	(1.200.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.164.107.665)	(3.289.472.741)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.365.477.900	2.365.477.900
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.346.747.810	6.346.747.810
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(96.358.721.198)	(32.422.542.778)
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>254.779.325.195</b>	<b>420.227.984.267</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lan Anh

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Tại 30/06/2010	Tại 01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại	USD	114.007,03	163.102,93
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lan Anh

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>68.948.642.753</b>	<b>85.293.012.417</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>68.948.642.753</b>	<b>85.293.012.417</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	92.445.535.369	111.051.277.121
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(23.496.892.616)</b>	<b>(25.758.264.704)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.231.576.663	57.804.951.692
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.112.792.550	7.602.982.148
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.534.924.325	5.846.746.182
8. Chi phí bán hàng	24		952.477.731	508.815.003
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.282.076.793	10.024.683.474
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(49.612.663.027)</b>	<b>13.910.206.363</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	151.635.607.147	5.423.814.102
12. Chi phí khác	32	VI.6	165.880.045.583	50.200.000
13. Lợi nhuận khác	40		(14.244.438.436)	5.373.614.102
<b>14. Lợi nhuận/lỗ trong Công ty liên kết liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(63.857.101.463)</b>	<b>19.283.820.465</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		79.076.958	4.820.955.116
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(63.936.178.420)</b>	<b>14.462.865.349</b>
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(63.936.178.420)	14.462.865.349
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.7</b>	<b>(4.717)</b>	<b>1.227</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lan Anh

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		(63.857.101.463)	19.283.820.465
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		4.328.497.760	6.229.555.818
- Các khoản dự phòng	3		3.577.265.444	(689.210.951)
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			362.297.062
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		21.881.850.096	(60.477.044.744)
- Chi phí lãi vay	6		6.534.924.325	5.846.746.182
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>(27.534.563.838)</b>	<b>(29.443.836.168)</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	9		6.568.750.680	(7.405.841.919)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		5.426.432.460	1.429.803.461
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(24.948.892.694)	12.027.750.767
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		16.682.459.700	(2.741.128.839)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.157.157.016)	(4.560.478.475)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.000.000	994.003.808
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.020.000.000)	(2.793.847.566)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(30.972.970.707)</b>	<b>(32.493.574.931)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.523.645.798)	(19.877.338.973)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		136.660.945.732	50.562.823.895
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.674.800.000)	(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.605.000.000	
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		338.378.223	3.866.467.857
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>120.405.878.157</b>	<b>4.551.952.779</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.864.052.017	46.017.129.033
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(104.464.073.834)	(40.098.826.199)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.419.972.864)	(566.643.126)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(90.019.994.681)</b>	<b>5.351.659.708</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(587.087.231)</b>	<b>(22.589.962.444)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>12.034.776.719</b>	<b>29.762.718.137</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			361.167.078
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.447.689.488</b>	<b>7.533.922.771</b>

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lan Anh

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội, tên viết tắt là MARINA HA NOI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 056428 ngày 19/11/1998, đã đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01/12/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có trụ sở tại: Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội. Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 135.555.140.000 đồng (trong đó Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nắm giữ 5,2%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 94,8%).

Từ ngày 21/03/2005, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là MHC.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Lai dắt tàu biển;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Đại lý hàng hải;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuế hải quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**3. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

**3.1 Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức:** Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000179 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/02/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 13/06/2007.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức là 10.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

Trụ sở chính tại Số 45, Triệu Việt Vương, Hà Nội.

**3.2 Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội:** Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000071 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2002.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Đầu tư Bất động sản Hà Nội là 34.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

Trụ sở chính tại Tòa nhà Ocean Park, Số 01, Đào Duy Anh, Hà Nội.

**3.3 Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam:** Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104006041 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2008.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội phía Nam là 15.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

Trụ sở chính tại Số 10, Đoàn Như Hải, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.4 Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng:** Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001392 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/07/2008.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng là 15.000.000.000 đồng.

Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

Trụ sở chính Tầng 4, Tòa nhà Hải An, đường Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

**2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 của Công ty Mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4. Lập dự phòng**

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

**5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

**6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

**7. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phân thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****8. Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến nhiều kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hoặc đầu tư tài sản cố định trong quá trình đầu tư được vốn hóa vào giá trị tài sản hoặc công trình khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Các khoản chi phí đi vay khác phát sinh được phản ánh vào kết quả kinh doanh.

**11. Ghi nhận doanh thu, chi phí**

Doanh thu của Công ty là doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****12. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế hoặc theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, trừ trường hợp có quy định khác. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày 30/06/2010 không được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này.

**13. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng là 25%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**14. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

**15. Bên liên quan**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>Tại 01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.371.480.138	6.582.345.195
Tiền gửi ngân hàng	10.076.209.350	5.452.431.524
<b>Cộng</b>	<b>11.447.689.488</b>	<b>12.034.776.719</b>

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>Tại 01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Xây dựng Lũng Lô	31.274.818.010	31.274.818.010
Thuê bãi Hải An (kho CFS)	-	235.439.874
Seacon	-	2.210.280.427
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	339.476.051	1.766.047.811
Chi phí thành lập công ty Wallem shipping	-	515.998.700
Công ty CP Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT	452.650.800	452.650.800
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.369.697.380	-
Ông Nguyễn Trường Sơn	3.465.460.300	-
Phải thu của dịch vụ đại lý giao nhận vận tải	1.010.178.169	-
Công nợ khó đòi chờ xử lý	1.315.608.380	1.315.608.380
Hàng tồn thất chờ xử lý	826.930.916	826.930.916
Doanh thu ước tính trong kỳ	822.967.962	-
Phải thu tạm ứng nhân viên nghỉ việc	256.311.100	-
Phải thu khác	5.882.841.823	7.640.726.909
<b>Cộng</b>	<b>47.016.940.891</b>	<b>46.238.501.827</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>Tại 01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	223.897.756	5.650.330.216
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>223.897.756</b>	<b>5.650.330.216</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại 30/06/2010		Tại 01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		490.800.000		355.000.000
+ Cổ phiếu Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - sông Hinh	8.800	140.800.000	-	-
+ Cổ phiếu Tổng Công ty nước giải khát Sài Gòn	5.000	350.000.000	5.000	350.000.000
+ Cổ phiếu Ngân hàng Á Châu	-	-	500	5.000.000
<b>Cộng</b>		<b>490.800.000</b>		<b>355.000.000</b>

**5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại 30/06/2010		Tại 01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>69.341.082.000</b>		<b>30.107.082.000</b>
- Công ty TNHH Hàng Hải Wallem	-	1.734.000.000	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	-	67.500.000.000	-	30.000.000.000
- Công ty TNHH LD Bon Việt Nam		107.082.000		107.082.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>9.809.539.809</b>		<b>13.009.539.809</b>
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		2.500.000.000		5.700.000.000
- Công ty CP Hải Minh	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
- Đầu tư dài hạn khác Công ty TNHH VT hàng Công nghệ cao		7.309.539.809		7.309.539.809
- Công ty CP Quản lý và Khai thác Tòa nhà VNPT	105.288	1.052.883.600	105.288	1.052.883.600
<b>Cộng</b>		<b>79.150.621.809</b>		<b>43.116.621.809</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Tầng 7, Tòa nhà Ocean Park, Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội  
 Cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thi dụng quá
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>28.393.321.895</b>	<b>2.018.787.784</b>	<b>306.642.430.498</b>	<b>2.586.023</b>
- Mua trong kỳ	-	-	502.713.636	74.276
- Tặng khác	16.000.000	-	-	-
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(260.464.202.648)	-
- Giảm khác	(21.054.504.364)	-	-	-
<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>7.354.817.531</b>	<b>483.186.494</b>	<b>49.767.886.486</b>	<b>2.660.299</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>4.666.825.512</b>	<b>2.018.787.784</b>	<b>131.125.079.624</b>	<b>1.994.445</b>
- Khấu hao trong kỳ	513.831.145	-	2.746.721.358	107.972
- Chuyển từ thuê tài chính	-	-	3.086.945.000	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.535.601.290)	(104.735.259.930)	-
- Giảm khác	(1.669.737.526)	-	-	-
<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>3.510.919.131</b>	<b>483.186.494</b>	<b>32.223.486.052</b>	<b>2.102.417</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>				
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>23.726.496.383</b>	<b>-</b>	<b>175.517.350.874</b>	<b>591.577</b>
<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>3.843.898.400</b>	<b>-</b>	<b>17.544.400.434</b>	<b>557.882</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2010 là: 24.640.717.546 đồng.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2010 là: 6.067.457.681 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**7. Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính là các vỏ Containers 40 và 20 feet theo hợp đồng thuê ngày 17/11/2004 giữa Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội và Interpool Limited.

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dự án khu dân cư An Thới – BMT địa chỉ tại phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao cho tài sản cố định vô hình này.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>Tại 01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang</b>	<b>38.637.367.701</b>	<b>31.699.979.206</b>
Trong đó: Những công trình lớn:		
+ Khảo sát Dự án Cảng Phù Đổng	500.000.000	500.000.000
+ Thiết kế đóng tàu mới	1.940.819.250	1.940.819.250
+ Hệ thống điện, PCCC tòa nhà Hải An	10.109.610.277	-
+ Phần thô tòa nhà Hải An	14.692.683.296	29.259.159.956
+ Chi phí hoàn thiện tòa nhà Hải An	5.669.198.059	-
+ Chi phí khác	5.725.056.819	-

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>Tại 01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hiểm	115.259.831	769.824.561
Chi phí thuê sân Golf	552.840.400	564.789.400
Chi phí lên đà tàu OP	-	2.332.858.749
Chi phí sửa chữa lớn tàu	-	13.748.625.079
Chi phí công cụ dụng cụ	103.974.307	124.631.685
Chi phí sửa chữa văn phòng	131.160.997	-
Chi phí trang trí nội thất văn phòng	240.559.029	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	63.210.162	762.680.258
	<b>1.207.004.726</b>	<b>18.303.409.732</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

11. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại 30/06/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn (*)	4.896.134.330	35.004.100.314
Vay dài hạn đến hạn trả	6.837.701.000	49.379.803.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.149.277.729	2.569.250.593
<b>Cộng</b>	<b>12.883.113.059</b>	<b>86.953.153.907</b>

(\*): Chi tiết khoản vay ngắn hạn:

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Đơn vị tính VND	
					Số dư nợ gốc	Phương thức đảm bảo khoản vay
02/HĐKT/Hai an-MRN	Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	0%/ năm	6 tháng	3.500.000.000	2.500.000.000	Tin chấp
08.2009/HDT HMTD/TCB DVHH	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng (Techcombank)	Thả nổi	12 tháng	3.400.000.000	2.396.134.330	Tài sản thế chấp
<b>Cộng</b>				<b>6.900.000.000</b>	<b>4.896.134.330</b>	

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại 30/06/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Thuế GTGT	152.503.098	174.730.507
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.128.635.327	1.049.558.369
Thuế thu nhập cá nhân	81.787.352	213.518.098
Các loại thuế khác	175.243.979	381.084.759
Các khoản phải nộp khác (*)	427.753.377	-
<b>Cộng</b>	<b>1.965.923.133</b>	<b>1.818.891.733</b>

(\*): Thuế GTGT nộp hộ nhà thầu Mariana Express lines Pte Ltd.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

13. Chi phí phải trả

	Tại 30/06/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Trích trước chi phí bảo hiểm tàu	749.986.573	3.039.782.203
Chi phí lãi vay	3.829.332.521	2.689.596.873
Chi phí vật tư tàu	3.885.988.261	2.596.500.159
Phí cảng và phí quản lý	1.399.318.675	7.411.962.935
Chi phí sửa chữa tàu	5.086.627.566	-
Hoa hồng bán tàu	1.447.308.200	-
Chi phí vận chuyển, sửa chữa, kiểm đếm	1.391.243.533	307.259.815
Chi phí lưu container	78.980.000	-
Ước tính chi phí	1.158.266.978	-
Tiền lãi phạt thanh toán chậm	60.904.048	-
Chi phí phải trả khác	4.049.970.804	4.884.887.689
<b>Cộng</b>	<b>23.137.927.159</b>	<b>20.929.989.674</b>

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 30/06/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	263.016.388	184.111.923
Bảo hiểm y tế	45.481.860	26.114.772
Bảo hiểm thất nghiệp	54.929.725	-
Phải trả của dịch vụ đại lý giao nhận vận tải	8.994.296.852	6.330.051.831
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	553.860.000	629.760.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.589.016.703	2.339.279.804
<b>Cộng</b>	<b>11.500.601.528</b>	<b>9.509.318.330</b>

15. Vay và nợ dài hạn

	Tại 30/06/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
Vay dài hạn	58.867.096.595	74.817.050.428
- Vay ngân hàng	58.867.096.595	74.817.050.428
Nợ dài hạn	2.371.801.097	2.371.801.097
- Thuê tài chính	2.371.801.097	2.371.801.097
<b>Cộng</b>	<b>61.238.897.692</b>	<b>77.188.851.525</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**15. Vay và nợ dài hạn (tiếp)**

***Các khoản vay dài hạn***

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Đơn vị tính: VND		Phương thức đảm bảo khoản vay
					Số dư nợ gốc tại 30/06/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm nay	
1200-LAV-200900722	Sở giao dịch NHNo và PT Nông Thôn	Lãi suất thả nổi	60 tháng	9.619.450.000	8.346.403.000	315.701.000	Tài sản thế chấp
11.2009/HDTD/TH-PN/TCB HP-DVHH	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng (Techcombank)	10,5%/ năm	48 tháng	770.000.000	658.000.000	562.000.000	Tài sản thế chấp
98.10.251.641356.TD.DN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	350.000.000	340.200.000	281.400.000	Tài sản thế chấp
131.10.251.641356.TD.DN	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội chi nhánh Hải Phòng (MB)	Lãi suất thả nổi	36 tháng	311.000.000	311.000.000	217.700.000	Tài sản thế chấp
1200-LAV-200801379 ngày 14/8/2008	Ngân hàng No&PTNT Chi nhánh Bách khoa	Lãi suất huy động tiền VND kỳ 12 tháng trả lãi sau của Agribank Bách Khoa cộng 3%	60 tháng	26.600.000.000	26.267.599.094	6.315.600.000	Tài sản thế chấp
<b>Cộng</b>				<b>37.650.450.000</b>	<b>35.923.202.094</b>	<b>7.692.401.000</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**15. Vay và nợ dài hạn (tiếp)**

*Các khoản vay dài hạn (tiếp)*

*Đơn vị tính: USD*

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 30/06/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm nay	Phương thức đảm bảo khoản vay
01/2008/HĐTD/MB-MHC	Ngân hàng TMCP Quân đội	7,3%/ năm	48 tháng	3.521.000	1.677.821	-	Tài sản thế chấp
<b>Cộng</b>				<b>3.521.000</b>	<b>1.677.821</b>	<b>-</b>	

*Các khoản nợ thuê tài chính*

*Đơn vị tính: VND*

Thời hạn	6 tháng đầu năm 2010			Năm 2009			Phương thức đảm bảo khoản vay
	Tổng khoản tiền thanh toán thuê tài chính	Lãi	Gốc	Tổng khoản tiền thanh toán thuê tài chính	Lãi	Gốc	
5 năm	1.570.338.811	150.365.947	1.419.972.864	3.566.000.000	340.000.000	3.226.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Cộng</b>	<b>1.570.338.811</b>	<b>150.365.947</b>	<b>1.419.972.864</b>	<b>3.566.000.000</b>	<b>340.000.000</b>	<b>3.226.000.000</b>	

*Đơn vị tính: USD*

Số HD	Bên cho vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc tại 30/06/2010	Số dư nợ gốc phải trả năm nay	Phương thức đảm bảo khoản vay
HĐ ngày 03/01/07	Interpool Container Ltd.,	5,51%/năm	60 tháng	593.700	132.201	143.205,54	Tài sản thế chấp
<b>Cộng</b>				<b>593.700</b>	<b>132.201</b>	<b>143.205,54</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**16. Vốn chủ sở hữu**

**16a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

STT	Cổ đông	Tại 30/06/2010	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	6.981.089.710	5,15%
2	Các cổ đông khác	128.574.050.290	94,85%
<b>Cộng</b>		<b>135.555.140.000</b>	<b>100%</b>

**16b. Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	135.555.140.000	117.880.870.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	135.555.140.000	117.880.870.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**16c. Cổ phiếu**

	Tại 30/06/2010 Cổ phiếu	Tại 01/01/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	13.555.514	13.555.514
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu thường	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu thường	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu thường	13.555.514	13.555.514
+ Cổ phiếu ưu đãi		

*Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/CP*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**16d. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Tại 01/01/2009</b>	<b>117.880.870.000</b>	<b>24.001.910.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>-</b>	<b>20.039.747.900</b>	<b>6.346.747.810</b>	<b>80.162.459</b>	<b>168.348.238.169</b>
- Tăng vốn trong năm trước	17.674.270.000	-	-	-	-	-	-	17.674.270.000
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	133.822.010	-	-	-	133.822.010
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(32.496.105.237)	(32.496.105.237)
- Giảm khác	-	-	-	(3.423.294.751)	(17.674.270.000)	-	(6.600.000)	(21.104.164.751)
<b>Tại 31/12/2009</b>	<b>135.555.140.000</b>	<b>24.001.910.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>(3.289.472.741)</b>	<b>2.365.477.900</b>	<b>6.346.747.810</b>	<b>(32.422.542.778)</b>	<b>132.556.060.191</b>
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>135.555.140.000</b>	<b>24.001.910.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>(3.289.472.741)</b>	<b>2.365.477.900</b>	<b>6.346.747.810</b>	<b>(32.422.542.778)</b>	<b>132.556.060.191</b>
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	1.125.365.076	-	-	-	1.125.365.076
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(63.936.178.420)	(63.936.178.420)
<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>135.555.140.000</b>	<b>24.001.910.000</b>	<b>(1.200.000)</b>	<b>(2.164.107.665)</b>	<b>2.365.477.900</b>	<b>6.346.747.810</b>	<b>(96.358.721.198)</b>	<b>69.745.246.847</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>68.948.642.753</b>	<b>85.293.012.417</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu vận tải	47.989.036.286	69.344.009.406
+ Doanh thu lưu kho bãi	932.546.453	19.741.562
+ Doanh thu cung ứng dịch vụ hàng hải	4.415.892.807	13.772.457.274
+ Doanh thu khai thác cảng	8.576.907.234	
+ Doanh thu dịch vụ đại lý	8.945.454	
+ Doanh thu hoạt động Hội nghị	206.210.848	
+ Doanh thu khai thác Tòa nhà Hải an	1.238.812.868	
+ Doanh thu hoạt động quản lý	1.951.034.845	
+ Doanh thu quản lý tòa nhà Bảo Việt	48.500.000	
+ Doanh thu quản lý tòa nhà VTC Tower	315.150.000	
+ Doanh thu dịch vụ khác	3.265.605.958	2.156.804.175

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn vận tải	43.456.160.391	71.014.521.657
Giá vốn lưu kho bãi	512.674.062	362.462.244
Giá vốn cung ứng dịch vụ hàng hải	36.673.164.223	31.725.583.003
Giá vốn hoạt động Hội nghị	141.273.631	
Giá vốn hoạt động khai thác TN Hải an	701.586.931	
Giá vốn hoạt động quản lý	1.321.656.713	
Giá vốn dịch vụ khai thác cảng	6.569.191.068	
Giá vốn dịch vụ khác	3.069.828.350	7.948.710.217
<b>Cộng</b>	<b>92.445.535.369</b>	<b>111.051.277.121</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	120.232.128	380.518.566
Lãi do chuyển nhượng vốn góp đầu tư	-	50.980.023.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.500.000.000	5.214.386.836
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	168.330.400	509.522.960
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	422.808.561	659.058.346
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.205.574	61.441.089
<b>Cộng</b>	<b>4.231.576.663</b>	<b>57.804.951.692</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

### 4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.534.924.325	5.846.746.182
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	56.500.000	847.557.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.742.435.272	479.206.485
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	21.120.000	
Chi phí tài chính khác	1.757.812.953	429.472.481
<b>Cộng</b>	<b>15.112.792.550</b>	<b>7.602.982.148</b>

### 5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Nhượng bán tài sản cố định	141.302.846.485	-
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	10.315.233.162	-
Các khoản khác	17.527.500	5.423.814.102
<b>Cộng</b>	<b>151.635.607.147</b>	<b>5.423.814.102</b>

### 6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nhượng bán tài sản	165.782.311.581	-
Chi phí khác	97.734.002	50.200.000
<b>Cộng</b>	<b>165.880.045.583</b>	<b>50.200.000</b>

### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(63.936.178.420)	14.462.865.349
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(63.936.178.420)	14.462.865.349
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.555.274	11.787.967
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.717)</b>	<b>1.227</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận được lập dựa trên kết quả kinh doanh của các đơn vị như sau:

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Công ty TNHH Quản lý và KD Đầu tư BĐS Hà Nội	Công ty TNHH Hàng hải Hà Nội Phía Nam	Công ty TNHH Vận tải và DV Hàng hải Hải Phòng	Loại trừ	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7	8
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.554.199.378	17.653.697.675	3.414.017.996	22.153.600.537	19.173.127.167		68.948.642.753
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	1.433.833.636	-	532.200.421	363.853.705	1.472.126.298	(3.802.014.060)	-
3. Khấu hao và chi phí phân bổ	18.892.839.133	150.451.202	157.435.325	792.022.868	1.561.578.165		21.554.326.693
- Chi phí khấu hao	2.379.956.671	117.440.912	54.774.458	477.935.524	1.298.390.195		4.328.497.760
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ	16.512.882.462	33.010.290	102.660.867	314.087.344	263.187.970		17.225.828.933
<b>4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(48.546.336.903)</b>	<b>1.482.130.294</b>	<b>(1.390.043.765)</b>	<b>(111.199.551)</b>	<b>(1.047.213.102)</b>	-	<b>(49.612.663.027)</b>
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua Tài sản cố định	15.429.318	43.956.364	6.433.977.404	14.890.870	1.006.124.727		7.514.378.683
6. Tài sản bộ phận	144.984.438.604	27.124.369.120	43.274.099.827	19.986.778.480	19.409.639.164		254.779.325.195
7. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-		-
<b>Tổng tài sản</b>							<b>254.779.325.195</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	104.313.902.694	33.986.488.597	30.579.924.790	5.158.654.117	10.995.108.151		185.034.078.349
9. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-		-
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>185.034.078.349</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Thông tin về các bên liên quan

*Giao dịch với các bên liên quan*

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>	<b>1.871.876.421</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.736.741.385
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	135.135.036
<b>Vay vốn</b>	<b>1.321.320.666</b>
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.321.320.666
<b>Góp vốn đầu tư</b>	<b>39.234.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	37.500.000.000
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000

*Số dư với các bên liên quan*

	Tại 30/06/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>1.546.973.927</b>	<b>1.766.047.811</b>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.369.697.380	1.766.047.811
Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam	177.276.547	-
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>3.053.860.000</b>	<b>7.129.760.000</b>
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	2.500.000.000	6.500.000.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	553.860.000	629.760.000

## 2. Số liệu so sánh.

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2009 và chưa được soát xét. Theo đó một số số liệu không so sánh được mà chỉ có tính chất tham khảo.

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lan Anh

Hoàng Duy Anh

Nguyễn Quang Phúc